

Số: **02/BC-SNV**

*Hà Giang, ngày 06 tháng 01 năm 2021*

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả điều tra Chỉ số Hải lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2020**

Thực hiện Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành Kế hoạch điều tra xã hội học xác định chỉ số Cải cách hành chính các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và điều tra Chỉ số hải lòng đối với UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2020;

Sở Nội vụ báo cáo kết quả điều tra Chỉ số Hải lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính các huyện/thành phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2020 (*gọi tắt là Chỉ số SIPAS*) với các nội dung cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Xác định Chỉ số SIPAS để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan kết quả phục vụ tổ chức, cá nhân của cơ quan hành chính các huyện/thành phố (*gọi chung là cấp huyện*).

- Đưa kết quả đánh giá Chỉ số SIPAS vào đánh giá Chỉ số Cải cách hành chính của cơ quan hành chính cấp huyện.

- Thông qua Chỉ số SIPAS xác định rõ mặt mạnh, mặt yếu trong việc phục vụ tổ chức, cá nhân của cơ quan hành chính cấp huyện; góp phần xây dựng nền hành chính: hiện đại, chuyên nghiệp; trong sạch, vững mạnh; hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

### **2. Yêu cầu**

- Chỉ số SIPAS cấp huyện phải bám sát vào Chỉ số SIPAS của Chính phủ đánh giá các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

- Việc xác định Chỉ số SIPAS thông qua đánh giá của người dân, tổ chức đối với cơ quan hành chính cấp huyện và phải phù hợp với thực tế địa phương.

## **II. CẤU TRÚC CỦA CHỈ SỐ SIPAS**

### **1. Cấu trúc**

Chỉ số SIPAS cấu trúc thang điểm 100, được chia làm 5 Tiêu chí (*mỗi tiêu chí 20 điểm*) với 17 tiêu chí cụ thể như sau:

**1.1. Tiêu chí 1:** “Việc tiếp cận dịch vụ công” gồm 03 tiêu chí thành phần;

**1.2. Tiêu chí 2:** “Việc niêm yết và giải quyết Thủ tục hành chính” gồm 03 tiêu chí thành phần;

**1.3. Tiêu chí 3:** “Đổi với công chức làm việc tại Bộ phận một cửa” gồm 04 tiêu chí thành phần;

**1.4. Tiêu chí 4:** “Kết quả thực hiện dịch vụ công của Bộ phận một cửa” gồm 03 tiêu chí thành phần;

**1.5. Tiêu chí 5:** “Việc tiếp nhận và xử lý ý kiến, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức của cơ quan hành chính nhà nước” gồm 04 tiêu chí thành phần.

## **2. Thang điểm đánh giá, xếp loại chỉ số SIPAS**

Chỉ số SIPAS cấp huyện năm 2020 được chia thành 5 nhóm:

**2.1. Nhóm xếp loại Xuất sắc:** Đạt từ 90 điểm trở lên và không có Tiêu chí nào dưới 17 điểm (*trương ứng 85% điểm/Tiêu chí*);

**2.2. Nhóm xếp loại Tốt:** Đạt từ 80 điểm đến dưới 90 điểm và không có Tiêu chí nào dưới 16 điểm (*trương ứng 80% điểm/Tiêu chí*);

**2.3. Nhóm xếp loại Khá:** Đạt từ 70 điểm đến dưới 80 điểm và không có Tiêu chí nào dưới 14 điểm (*trương ứng 70% điểm/Tiêu chí*);

**2.4. Nhóm xếp loại Trung bình:** Đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm và không có Tiêu chí nào dưới 10 điểm (*trương ứng 50% điểm/Tiêu chí*);

**2.5. Nhóm xếp loại Yếu:** Đạt dưới 50 điểm.

## **III. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

### **1. Công tác chuẩn bị**

UBND tỉnh đã giao cho Ban Tổ chức - Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch điều tra xã hội học (*theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND tỉnh Hà Giang*) đảm bảo chất lượng và tiến độ theo quy định; Ban Tổ chức - Nội vụ đã chủ động:

- Xây dựng Kế hoạch điều tra xã hội học xác định chỉ số Cải cách hành chính các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và điều tra Chỉ số hài lòng đối với UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2020 trình UBND tỉnh ban hành.

- Ban Công văn số 32/BTCNV-CCHC ngày 26/10/2020 gửi các huyện, thành phố về việc lập danh sách người trả lời phiếu điều tra Chỉ số hài lòng năm 2020; tổng hợp danh sách điều tra của các huyện, thành phố.

- Ban hành Phương án số 01/PA-BTCNV ngày 30/10/2020 về điều tra xã hội học xác định chỉ số Cải cách hành chính các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và điều tra Chỉ số hài lòng đối với UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2020;

- Xây dựng mẫu phiếu điều tra.

### **2. Công tác điều tra và tổng hợp phiếu**

- Thực hiện công tác điều tra: Ban Tổ chức - Nội vụ đã giao cho công chức Phòng Cải cách hành chính trực tiếp (*là Điều tra viên*) tham gia điều tra Chỉ số SIPAS tại các huyện, thành phố.

- Việc tổng hợp phiếu điều tra được thực hiện trên phần mềm tổng hợp kết quả điều tra xã hội học phục vụ đánh giá chỉ số cải cách hành chính, bảo đảm nhanh và chính xác.

#### **IV. KẾT QUẢ CHỈ SỐ SIPAS NĂM 2020**

##### **1. Tiêu chí 1: Tiếp cận dịch vụ hành chính công**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 18,42/20 điểm (*trương ứng 92,1%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Bắc Quang 19,77/20 điểm (*trương ứng 98,85%*), cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn: 15,51/20 điểm (*trương ứng 77,55%*). Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm số thấp nhất là 4,26/20 điểm (*trương ứng 21,3%*). Điểm của các tiêu chí thành phần cụ thể như sau:

##### **1.1. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả (Bộ phận một cửa) giải quyết Thủ tục hành chính (TTHC) có biển hiệu hướng dẫn rõ ràng, dễ thấy**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 5,75/6 điểm (*trương ứng 95,83%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là các huyện: Bắc Quang, Mèo Vạc, Bắc Mê cùng có số điểm là 5,97/6 điểm (*trương ứng 99,5%*), cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn: 5,33 điểm (*trương ứng 88,83%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm số thấp nhất là 0,64/6 điểm (*trương ứng 1,66%*).

##### **1.2. Bộ phận một cửa giải quyết TTHC có đủ chỗ ngồi cho người dân, tổ chức**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 6,32/7 điểm (*trương ứng 90,28%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Quản Bạ đạt 6,87/7 điểm (*trương ứng 98,14%*), cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn chỉ đạt 4,93/7 điểm (*trương ứng 70,42%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm số thấp nhất là 1,94/7 điểm (*trương ứng 27,71%*).

##### **1.3. Trang thiết bị phục vụ cho người dân, tổ chức đầy đủ, dễ sử dụng**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 6,34/7 điểm (*trương ứng 90,57%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Bắc Quang đạt 6,95/7 điểm (*trương ứng 99,28%*), cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn chỉ có 5,24/7 điểm (*trương ứng 74,85%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm số thấp nhất là 1,71/7 điểm (*trương ứng 24,42%*).

*(Kết quả cụ thể tại Phụ lục 1)*

##### **2. Thủ tục hành chính**

Điểm trung bình của tiêu chí này là 18,39/20 điểm (*trương ứng 91,95%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Quản Bạ đạt 19,75/20 điểm (*trương ứng 98,75%*), cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn 15,82/20 điểm (*trương ứng 79,1%*); Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có

điểm thấp nhất là 3,93 điểm (*trương ứng 19,65%*). Điểm của các tiêu chí thành phần cụ thể như sau:

**2.1. Quy định thủ tục hành chính được niêm yết công khai đầy đủ, dễ thấy**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là điểm ; cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Quản Bạ đạt 6,96/7 điểm (*trương ứng 99,42%*); cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn chỉ đạt 5,51/7 điểm (*trương ứng 78,71%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 1,45 điểm (*trương ứng 20,71%*).

**2.2. Mức phí/lệ phí mà Ông/Bà phải nộp là đúng quy định**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 5,67/6 điểm (*trương ứng 94,5%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Vị Xuyên 5,96/6 điểm (*trương ứng 99,33%*), cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn 5,11/6 điểm (*trương ứng 85,16%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 0,85/6 điểm (*trương ứng 14,16%*).

**2.3. Thời hạn giải quyết Thủ tục hành chính của Ông/Bà là đúng quy định**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 6,33/7 điểm (*trương ứng 90,42%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Bắc Quang 6,95/7 điểm (*trương ứng 99,28%*), cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn 5,2/7 điểm (*trương ứng 74,28%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 1,75 điểm (*trương ứng 25%*).

(*Kết quả cụ thể tại Phụ lục 2*)

**3. Công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính**

Điểm trung bình của tiêu chí này là 18,77/20 điểm (*trương ứng 93,85%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Vị Xuyên 19,66/20 điểm (*trương ứng 98,3%*), cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn 17/20 điểm (*trương ứng 85%*); Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 2,66 điểm (*trương ứng 13,3%*). Điểm của các tiêu chí thành phần cụ thể như sau:

**3.1. Công chức có thái độ giao tiếp lịch sự, chăm chú lắng nghe câu hỏi, ý kiến của cá nhân, tổ chức**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 4,72/5/điểm; cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Mèo Vạc đạt 4,95/5 điểm (*trương ứng 99%*); cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn 4,33/5 điểm (*trương ứng 86,6%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 0,62/5 điểm (*trương ứng 12,4%*).

**3.2. Công chức trả lời, giải thích đầy đủ ý kiến của cá nhân, tổ chức**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 4,66/5 điểm (*trương ứng 93,2%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Vị Xuyên và Bắc Quang đều đạt 4,91/5 điểm (*trương ứng 98,2%*); cơ cquan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn 4,2/5 điểm (*trương ứng 84%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 0,71/5 điểm (*trương ứng 14,2%*).

### **3.3. Công chức hướng dẫn Ông/Bà kê khai hồ sơ để hiểu, kê khai 01 lần là Ông/Bà có thể hoàn thiện Thủ tục hành chính**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 4,7/5 điểm (*trương ứng 94%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Vị Xuyên đạt 4,96/5 điểm (*trương ứng 99,2%*), cơ cquan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn đạt 4,18/5 điểm (*trương ứng 83,6%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 0,78/5 điểm (*trương ứng 15,6%*).

### **3.4. Công chức tận tình giúp đỡ cá nhân, tổ chức trong quá trình giải quyết Thủ tục hành chính**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 4,68/5 điểm (*trương ứng 93,6%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Vị Xuyên đạt 4,96/5 (*trương ứng 99,2%*)điểm, cơ cquan có điểm số thấp nhất là huyện Xín Mần và thành phố Hà Giang cùng đạt 4,29/5 điểm (*trương ứng 85,8%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 0,67/5 điểm (*trương ứng 13,4%*).

(*Kết quả cụ thể tại Phụ lục 3*)

## **4. Kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công**

Điểm trung bình của tiêu chí này là 18,38/20 điểm (*trương ứng 91,9%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Bắc Quang đạt 19,8/20 điểm (*trương ứng 99%*), cơ cquan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn 15,77/20 điểm (*trương ứng 78,85%*); Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 4,03/20 điểm (*trương ứng 20,15%*). Điểm của các tiêu chí thành phần cụ thể như sau:

### **4.1. Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức là phù hợp với quy định (Kết quả có thể được cấp giấy tờ hoặc bị từ chối cấp giấy tờ)**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 6,39/7 điểm (*trương ứng 91,28%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Vị Xuyên 6,87/7 điểm (*trương ứng 98,14%*); cơ cquan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn chỉ đạt 5,47/7 điểm (*trương ứng 78,14%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 1,4/7 điểm (*trương ứng 20%*).

### **4.2. Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức có thông tin đầy đủ, chính xác**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 5,66/6 điểm (*ương ứng 94,33%*) cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Bắc Mê đạt điểm tuyệt đối 6/6 điểm (*đạt 100%*); cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn chỉ đạt 5,07/6 điểm (*ương ứng 84,5%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 0,93/6 điểm (*ương ứng 15,5%*).

#### **4.3. Bộ phận một cửa sử dụng Thư xin lỗi (Trong trường hợp Thủ tục hành chính trễ hẹn)**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 6,32/7 điểm (*ương ứng 90,28%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Bắc Quang đạt 6,95/6 điểm (*ương ứng 15,5%*); cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn chỉ đạt 5,24/7 điểm (*ương ứng 74,85%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 1,71/7 điểm (*ương ứng 24,42%*).

(*Kết quả cụ thể tại Phụ lục 4*)

### **5. Việc tiếp nhận, giải quyết góp ý, phản ánh, kiến nghị của công dân**

Điểm trung bình của tiêu chí này là 18,58/20 điểm (*ương ứng 92,9%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Vị Xuyên 19,77/20 điểm (*ương ứng 98,85%*), cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn với 16,37/20 điểm (*ương ứng 81,85%*); điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 3,4 điểm (*ương ứng 17%*). Điểm của các tiêu chí thành phần cụ thể như sau:

#### **5.1. Việc bố trí Hòm thư tiếp nhận ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của công dân**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 4,66/5 điểm (*ương ứng 93,2%*); cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Vị Xuyên 4,96/5 điểm (*ương ứng 99,2%*); cơ quan có điểm số thấp nhất là 4,11/5 điểm (*ương ứng 82,2%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 0,85/5 điểm (*ương ứng 85%*).

#### **5.2. Công dân có dễ dàng thực hiện góp ý, phản ánh, kiến nghị**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 4,59/5 điểm; cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Vị Xuyên đạt 4,89/5 điểm (*ương ứng 97,8%*) cơ quan có điểm số thấp nhất là 4,07/5 điểm (*ương ứng 81,4%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 0,82/5 điểm 4,96/5 điểm (*ương ứng 16,4%*).

#### **5.3. Việc tiếp nhận, xử lý các góp ý, phản ánh, kiến nghị của công dân có đúng thời gian quy định**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 4,65/5 điểm; cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Vị Xuyên đạt 4,96/5 điểm (*ương ứng 99,2%*); cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn chỉ đạt 4,11/5 điểm (*ương ứng 82,2%*).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 0,85/5 điểm (tương ứng 17%).

#### **5.4. Kết quả trả lời của xã/phường/thị trấn đối với ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của công dân**

Điểm trung bình của tiêu chí thành phần này là 4,68/5 điểm; cơ quan đạt điểm số cao nhất là huyện Bắc Quang đạt điểm tuyệt đối 5/5 điểm (100%); cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn chỉ đạt 4,09/5 điểm (tương ứng 81,8%).

Điểm số chênh lệch giữa cơ quan có điểm số cao nhất và cơ quan có điểm thấp nhất là 0,91/5 điểm cơ quan có điểm số thấp nhất là huyện Đồng Văn chỉ đạt 4,11/5 điểm (tương ứng 18,2%).

(Kết quả cụ thể tại Phụ lục 5)

### **V. KẾT QUẢ TỔNG HỢP CHỈ SỐ SIPAS NĂM 2020**

- Điểm số giữa các tiêu chí, tiêu chí thành của các huyện, thành phố tương đối đồng đều {sự chênh lệch điểm số lớn nhất giữa Tiêu chí có điểm số cao nhất (Tiêu chí 3: 18,77 điểm) và Tiêu chí có điểm số thấp nhất (Tiêu chí 2: 18,33 điểm) là 0,44 điểm}; tổng điểm của các huyện, thành phố trong cùng nhóm xếp loại là khá đồng đều.

- Các huyện, thành phố xếp loại Xuất sắc: có 7/11 đơn vị, tương ứng 63,63%; các huyện xếp loại Tốt có 3/11 đơn vị, tương ứng 27,27%; có 1/17 đơn vị xếp loại Khá, tương ứng 9,09%.

- Điểm số chênh lệch giữa huyện có điểm cao nhất (huyện Vị Xuyên đạt 98,40 điểm) và huyện có điểm thấp nhất (huyện Đồng Văn chỉ đạt 80,47 điểm) là khá lớn 17,93/100 điểm (tương ứng 17,93%).

(Kết quả cụ thể tại Phụ lục 6)

Trên đây là Báo cáo kết quả Chỉ số SIPAS năm 2020 của các huyện/thành phố trên địa bàn tỉnh năm 2020, Sở Nội vụ trân trọng báo cáo./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Sở Nội vụ;
- VNPT-iooffice;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thành Công**

**Phụ lục 1**  
**TIẾP CẬN DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG**



STT	Tên huyện /thành phố	TCTP 1.1	TCTP 1.2	TCTP 1.3	Tổng điểm (tối đa 20 điểm)
1	Huyện Vị Xuyên	5.93	6.82	6.87	<b>19.62</b>
2	Huyện Bắc Quang	5.97	6.84	6.95	<b>19.77</b>
3	Huyện Mèo Vạc	5.97	6.86	6.71	<b>19.55</b>
4	Huyện Quản Bạ	5.911	6.86	6.68	<b>19.46</b>
5	Huyện Bắc Mê	5.97	6.64	6.64	<b>19.26</b>
6	Huyện Quang Bình	5.76	6.14	6.63	<b>18.53</b>
7	Huyện Hoàng Su Phì	5.73	6.22	6.51	<b>18.46</b>
8	Thành phố Hà Giang	5.65	6.20	6.18	<b>18.04</b>
9	Huyện Yên Minh	5.60	6.22	5.71	<b>17.53</b>
10	Huyện Xín Mần	5.47	5.82	5.58	<b>16.89</b>
11	Huyện Đồng Văn	5.33	4.93	5.24	<b>15.51</b>
<b>Điểm Trung bình</b>		<b>5.75</b>	<b>6.32</b>	<b>6.34</b>	<b>18.42</b>



**Phụ lục 2**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**NỘI VỤ**

STT	Tên huyện /thành phố	TCTP 2.1	TCTP 2.2	TCTP 2.3	Tổng điểm (tối đa 20 điểm)
1	Huyện Vị Xuyên	6.87	5.96	6.87	<b>19.69</b>
2	Huyện Bắc Quang	6.86	5.73	6.95	<b>19.55</b>
3	Huyện Mèo Vạc	6.91	5.93	6.86	<b>19.71</b>
4	Huyện Quản Bạ	6.96	5.89	6.91	<b>19.75</b>
5	Huyện Bắc Mê	6.55	5.86	6.64	<b>19.06</b>
6	Huyện Quang Bình	6.55	5.51	6.31	<b>18.53</b>
7	Huyện Hoàng Su Phì	6.28	5.68	6.33	<b>18.31</b>
8	Thành phố Hà Giang	5.48	5.59	5.91	<b>16.97</b>
9	Huyện Yên Minh	6.44	5.56	5.76	<b>17.75</b>
10	Huyện Xín Mần	5.83	5.50	5.87	<b>17.19</b>
11	Huyện Đông Văn	5.51	5.11	5.20	<b>15.82</b>
<b>Điểm Trung bình</b>		<b>6.38</b>	<b>5.67</b>	<b>6.33</b>	<b>18.39</b>

**Phụ lục 4**  
**KẾT QUẢ CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG**

STT	Tên huyện /thành phố	TCTP 4.1	TCTP 4.2	TCTP 4.3	Tổng điểm (tối đa 20 điểm)
1	Huyện Vị Xuyên	6.87	5.93	6.87	<b>19.66</b>
2	Huyện Bắc Quang	6.86	5.97	6.95	<b>19.80</b>
3	Huyện Mèo Vạc	6.66	5.71	6.77	<b>19.15</b>
4	Huyện Quản Bạ	6.78	5.87	6.53	<b>19.17</b>
5	Huyện Bắc Mê	6.86	6.00	6.82	<b>19.68</b>
6	Huyện Quang Bình	6.51	5.53	6.43	<b>18.47</b>
7	Huyện Hoàng Su Phì	6.33	5.64	6.42	<b>18.39</b>
8	Thành phố Hà Giang	6.05	5.48	6.21	<b>17.72</b>
9	Huyện Yên Minh	5.84	5.51	5.58	<b>16.93</b>
10	Huyện Xín Mần	6.04	5.59	5.74	<b>17.36</b>
11	Huyện Đồng Văn	5.47	5.07	5.24	<b>15.77</b>
<b>Điểm Trung bình</b>		<b>6.39</b>	<b>5.66</b>	<b>6.32</b>	<b>18.37</b>

**Phụ lục 6**  
**KẾT QUẢ TỔNG HỢP CHỈ SỐ SIPAS NĂM 2020**



STT	Tên huyện /thành phố	Tiêu chí					Tổng điểm	Xếp loại
		TC1	TC2	TC3	TC4	TC5		
1	Huyện Vị Xuyên	19.62	19.69	19.66	19.66	19.77	<b>98.40</b>	<b>Xuất sắc</b>
2	Huyện Bắc Quang	19.77	19.55	19.62	19.80	19.55	<b>98.29</b>	<b>Xuất sắc</b>
3	Huyện Mèo Vạc	19.55	19.71	19.51	19.15	19.62	<b>97.54</b>	<b>Xuất sắc</b>
4	Huyện Quản Bạ	19.46	19.75	19.37	19.17	19.42	<b>97.17</b>	<b>Xuất sắc</b>
5	Huyện Bắc Mê	19.26	19.06	19.35	19.68	19.35	<b>96.70</b>	<b>Xuất sắc</b>
6	Huyện Quang Bình	18.53	18.53	18.73	18.47	18.40	<b>92.66</b>	<b>Xuất sắc</b>
7	Huyện Hoàng Su Phì	18.46	18.31	18.84	18.39	18.55	<b>92.55</b>	<b>Xuất sắc</b>
8	Thành phố Hà Giang	18.04	16.97	18.50	17.72	18.41	<b>89.64</b>	<b>Tốt</b>
9	Huyện Yên Minh	17.53	17.75	17.51	16.93	17.64	<b>87.36</b>	<b>Tốt</b>
10	Huyện Xín Mần	16.89	17.19	18.34	17.36	17.30	<b>87.08</b>	<b>Tốt</b>
11	Huyện Đồng Văn	15.51	15.82	17.00	15.77	16.37	<b>80.47</b>	<b>Khá</b>